

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẦU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẦU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Ông Sùng A Lù

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tầu tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tầu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn Q, sinh năm 1990.

Nơi làm việc: Công an huyện T; địa chỉ trụ sở, tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Lò Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La vào ngày 01-9-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ anh Q tại Bản H, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên đôi lúc vợ chồng có cãi chửi nhau, anh Q nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông

khác và thường xuyên có những lời thô tục chửi bới chị, đôi khi anh Q có hành vi bạo hành chị như túm tóc và đánh chị, qua những lần đó chị đều bỏ qua, nhưng đến tháng 5 năm 2019 anh Q lại chửi bới chị qua điện thoại do mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ anh Q, nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ chị ở thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn Q có 01 con chung là Lò Quốc B, sinh ngày 08-11-2016, sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Lý do chị đề nghị được trực tiếp nuôi con là do hiện nay con đang ở cùng chị và đang học tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La nên việc chị nuôi con sẽ tốt hơn.

Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như chị H trình bày, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, việc chị H cho rằng anh có hành vi túm tóc và dúi đầu chị H là không chính xác, anh và chị H chỉ hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn giữa anh và chị H đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Đến giữa tháng 5 năm 2019 thì chị H đã bỏ về nhà bố, mẹ ở huyện P, tỉnh Sơn La cho đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H đề nghị xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị H có 01 con chung là Lò Quốc B, sinh ngày 08-11-2016. Sau khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con là Lò Quốc B và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh đề nghị được nuôi con chung là vì anh có thu nhập ổn định, còn chị H không có thu nhập ổn định nên việc anh trực tiếp nuôi dưỡng con sẽ tốt hơn.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Lò Văn Q.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lò Quốc B sinh ngày 08-11-2016; buộc anh Lò Văn Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2020.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, anh Lò Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lò Văn Q nơi làm việc Công an huyện T; địa chỉ trụ sở tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lò Văn Q, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lò Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Sơn La vào ngày 01/9/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh Q đều thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Q là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lò Văn Q.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lò Văn Q có 01 con chung là Lò Quốc B, sinh ngày 08-11-2016. Sau khi ly hôn chị H và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện nay chị H

và anh Q đều khai có công việc, chỗ ở và thu nhập ổn định và đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, tài liệu xác nhận về thu nhập hàng tháng của mình nên điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H và anh Q là như nhau. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị H hay anh Q nuôi dưỡng cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh Q không thỏa thuận được về việc nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy, từ khi chị H và anh Q xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Quốc B, hơn nữa cháu B hiện nay còn nhỏ (dưới 4 tuổi) cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Do đó, để tránh xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu B, để cháu được ổn định về mặt tâm lý và tinh thần, nên cần giao cháu Lò Quốc B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lò Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Lò Quốc B mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu anh Lò Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”* và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”*

Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ, tuy nhiên mức yêu cầu cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/ tháng là cao, không phù hợp với mức sống chung hiện nay, việc yêu cầu cấp dưỡng phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Q và nhu cầu thiết yếu của cháu B; Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 10/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56; Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lò Văn Q.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1 Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con là Lò Quốc B, sinh ngày 08-11-2016.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H buộc anh Lò Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con Lò Quốc B đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2020.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Lò Văn Q không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh Q phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0000293 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu. Chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lò Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Lò Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- CCTHADS huyện Trạm Tấu;
- Các đương sự (02);
- UBND thị trấn P,
huyện P, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lên